

Toán

TÌM SỐ BỊ TRỪ

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Biết cách tìm số bị trừ khi biết hiệu và số trừ.
- Vẽ được đoạn thẳng, xác định điểm là giao của hai đoạn thẳng cắt nhau và đặt tên điểm đó.

2. Kỹ năng:

- Rèn tính toán nhanh.

3. Thái độ:

- HS ham học Toán.

II. Đồ dùng:

- GV: Tờ bìa (giấy) kẻ 10 ô vuông như bài học, kéo
- HS: Vở, bảng con

III. Các hoạt động dạy – học:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
3'	1. Bài cũ	- Gọi 2 HS lên bảng thực hiện . - Đặt tính rồi tính: $62 - 27$, $32 - 8$, $36 + 36$, $53 + 19$	- HS thực hiện. Bạn nhận xét
32'	2. Bài mới ❖ Giới thiệu: ❖ Hoạt động 1: Tìm số bị trừ	- GV nhận xét. *GV viết lên bảng phép trừ $10 - 6 = 4.$ - Yêu cầu HS gọi tên các thành phần trong phép tính trừ sau đó ghi tên lên bảng. Bài toán 1. * Bước 1: Thao tác với đồ dùng trực quan - Có 10 ô vuông (đưa ra mảnh	- HS nêu - Còn lại 6 ô vuông

	<p>❖ Hoạt động 2: Luyện tập</p>	<p>giấy có 10 ô vuông). Bớt đi 4 ô vuông (dùng kéo cắt ra 4 ô vuông). Hỏi còn bao nhiêu ô vuông?</p> <p>- Làm thế nào để biết còn lại 6 ô vuông?</p> <p>- Hãy nêu tên các thành phần và kết quả trong phép tính: $10 - 4 = 6$ (HS nêu, GV ghi tên gọi)</p> <p>Bài toán 2: Có một mảnh giấy được cắt làm hai phần. Phần thứ nhất có 4 ô vuông. Phần thứ hai có 6 ô vuông. Hỏi lúc đầu tờ giấy có bao nhiêu ô vuông?</p> <p>- Làm thế nào ra 10 ô vuông?</p> <p>* Bước 2: Giới thiệu kỹ thuật tính</p> <p>- Để tìm số ô vuông ban đầu chúng ta làm gì ? GV ghi lên bảng :</p> $x = 6 + 4.$ <p>- Yêu cầu HS đọc lại phần tìm x trên bảng</p> <p>- Nêu tên gọi TP,KQ phép tính ?</p> <p>- Vậy muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào?</p> <p>- Yêu cầu HS nhắc lại.</p> <p>Bài 1: Tìm x</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài vào vở . 3 HS lên bảng làm bài.</p>	<p>- Thực hiện phép tính: $10 - 4 = 6$</p> <p>$10 - 4 = 6$</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="padding: 2px;">Số bị trừ</td> <td style="padding: 2px;">-</td> <td style="padding: 2px;">Số trừ</td> <td style="padding: 2px;">=</td> <td style="padding: 2px;">Số hiệu</td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">10</td> <td></td> <td style="padding: 2px;">4</td> <td></td> <td style="padding: 2px;">6</td> </tr> </table> <p>- Lúc đầu tờ giấy có 10 ô vuông.</p> <p>- Thực hiện phép tính $4 + 6 = 10$</p> <p>$x - 4 = 6$</p> <p>- HS trả lời. $x - 4 = 6$ $x = 6 + 4$ $x = 10$</p> <p>- HS nêu.</p> <p>- Lấy hiệu cộng với số trừ</p> <p>- Nhắc lại quy tắc</p> <p>- Làm bài tập</p> <p>a) $x - 4 = 8$ b) $x - 9 = 18$ $x = 8 - 4$ $x = 18 - 9$</p>	Số bị trừ	-	Số trừ	=	Số hiệu	10		4		6
Số bị trừ	-	Số trừ	=	Số hiệu									
10		4		6									

<p>2'</p>	<p>3. Củng cố- Dặn dò:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nhận xét bài bạn. - GV nhận xét. <li style="padding-left: 20px;">Bài 2: - Cho HS nhắc lại cách tìm hiệu, tìm số bị trừ trong phép trừ . - GV nhận xét. <li style="padding-left: 20px;">Bài 4: - Yêu cầu HS tự vẽ, tự ghi tên điểm. . - GV nhận xét. <li style="padding-left: 20px;">- Muốn tìm SBT chưa biết ta làm thế nào? - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị: 13 – 5 	<p style="text-align: center;">$x=4$ $x=9...$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tự làm bài. 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau. - HS làm bài. - HS làm vào vở. - HS trả lời.
-----------	---------------------------------------	---	---